TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2017/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 22 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2017 về "Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Hồ Thanh V, sinh năm 1984; Chỗ ở hiện nay: Số X đường P, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Đơn vị công tác: Ban công binh- Phòng tham mưu- Bộ chỉ huy quân sự Kon Tum.

- *Bị đơn:* chị Trần Thị H, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum. Đơn vị công tác: Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện T, tỉnh Kon Tum.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập:*

+ Ông Lại Hoàng M, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

+ Công ty TNHH MTV N; Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị T- Giám đốc. Địa chỉ: Số K, Đường V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum.

+ Ông Nguyễn Tri S- Chủ cửa hàng kinh doanh VLXD S, trú tại: Thôn Y, xã M, huyện Đ, tỉnh KonTum.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

** Về quan hệ hôn nhân:* Anh Hồ Thanh V và chị Trần Thị H đã được giải quyết cho ly hôn theo bản án sơ thẩm số 01/2015/HNGĐ-ST ngày 11/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum đã có hiệu lực pháp luật, nên không đề cập.

* *Về con chung:* Giao cháu Hồ Ngọc Tùng L, sinh ngày 08/3/2010 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hồ Thanh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2015 cho đến khi cháu Hồ Ngọc Tùng L trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được. Anh V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở theo bản án sơ thẩm số 01/2015/HNGĐ-ST ngày 11/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kon Tum và bản án phúc thẩm số 02/2016/HNGĐ-PT ngày 14/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, đã có hiệu lực pháp luật nên không đề cập nữa.

* *Về tài sản chung:*

- Thỏa thuận giao cho anh Hồ Thanh V sở hữu, sử dụng thửa đất số 47(B), tờ bản đồ số 23 tại Thôn Y, xã M, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, có diện tích 252m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 561738 được UBND huyện Đ cấp ngày 09/3/2012 đứng tên ông Hồ Thanh V và bà Trần Thị H. Trị giá tài sản anh V được nhận 120.000.000đ *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*.

- Thỏa thuận giao cho chị Trần Thị H được quyền sở hữu, sử dụng lô đất có diện tích 425,375m^2 tại Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum *(Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Ngô Văn H1, dài 10,55m; Tây giáp đường đất, dài 10,2m; Nam giáp đất ông Lại Hoàng M, dài 41m; Bắc giáp đất ông Ngô Văn H1, dài 41m)* và ngôi nhà cấp 4 trên đất, có diện tích xây dựng khoảng 77m^2, trị giá lô đất + nhà là 400.000.000đ; 07m^3 gỗ các loại, trị giá 16.000.000đ (Chị H đã bán). Tổng trị giá tài sản chị H được nhận 416.000.000đ *(Bốn trăm mười sáu triệu đồng)*.

- Anh Hồ Thanh V tự nguyện làm đơn xin rút một phần đơn khởi kiện và công nhận đất rẫy tại thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum với diện tích 9147m^2, thửa đất số 07, tờ bản đồ số 08, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 380322 được UBND huyện Đ cấp ngày 10/3/2011 đứng tên Trần Thị H là tài sản riêng của chị H. Chị H thỏa thuận trả cho anh V 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* tiền công sức đóng góp trong thời gian đầu tư, chăm sóc cà phê; Thời hạn trả ngày 15/9/2017.

* *Về nợ chung:* Chị Trần Thị H có nghĩa vụ trả tổng các khoản nợ 310.587.000đ gồm: Trả tiền mua đất tại Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum cho ông Lại Hoàng M 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*; Trả tiền mua vật liệu xây dựng cho Công ty TNHH MTV N 87.987.000đ *(Tám mươi bảy triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn đồng)*; Trả tiền cho cửa hàng S- ông Nguyễn Tri S 9.100.000đ *(Chín triệu một trăm ngàn đồng);* Đối với khoản nợ chị Võ Thị Thúy N *(Trú tại: X, đường V, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum)* 110.000.000 đồng và ông Vũ Đình M *(Trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum)* 3.500.000 đồng sau khi ly hôn chị H đã trả xong.

Áp dụng điều 357 của Bộ luật dân sự, đến thời hạn thỏa thuận trả tiền và anh V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị H không trả đủ khoản tiền trên, thì hàng tháng chị H còn phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

* *Về án phí:* Áp dụng điều 144, khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 điều 24; Khoản 7 điều 26; Điểm b khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Trần Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản: {(400.000.000đ x 5%) + (16.000.000đ x 4%)} x 50% = 10.320.000đ. Được khấu trừ vào tổng số tiền chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum là 15.700.000đ theo các biên lai thu tiền phí, lệ phí gồm: *(5.000.000đ theo biên lai số 0002626 ngày 11/5/2016; 3.000.000đ theo biên lai số 0002630, ngày 20/6/2016; 1.200.000đ theo biên lai số 0002634, ngày 16/7/2016; 1.000.000đ theo biên lai số 0002636, ngày 23/8/2016; 2.000.000đ theo biên lai số 0002647 ngày 08/01/2017; 1.500.000đ theo biên lai số 0002649, ngày 09/3/2017; 1.000.000đ theo biên lai số 0002650, ngày 18/4/2017; 1.000.000đ theo biên lai số 0009201, ngày 08/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum)*.

Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.320.000đ. Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum trả lại cho chị Trần Thị H số tiền 15.700.000đ - 10.320.000đ = 5.380.000đ *(Năm triệu ba trăm tám mươi ba ngàn đồng)*.

- Anh Hồ Thanh V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản là: (120.000.000đ + 100.000.000đ) x 5% x 50% = 5.500.000đ. Ngoài ra, anh V còn phải chịu 200.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo bản án sơ thẩm số 01/2015/HNGĐ-ST ngày 11/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện T và bản án phúc thẩm số 02/2016/HNGĐ-PT ngày 14/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum số tiền 200.000đ theo biên lai số AA/2010/ /0004267, ngày 27/01/2015; 26.000.000đ theo biên lai số AA/2010/0004268, ngày 06/4/2015; 213.000đ theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0002623, ngày 06/4/2016 và hoàn trả lại cho anh V 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu AA/2010/0004271 ngày 07/9/2015. Tổng số tiền anh V đã nộp là 26.613.000đ.

Anh V đã nộp đủ tiền án phí *(gồm 5.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm, 200.000đ án phí ly hôn và 200.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con)*. Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Kon Tum trả lại cho anh Hồ Thanh V số tiền (26.613.000đ - 5.500.000đ - 200.000đ - 200.000đ) = 20.713.000đ *(Hai mươi triệu bảy trăm mười ba ngàn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hành